TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1444/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1128/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Bà Lê Thị Ng. L., sinh năm: 1980; Địa chỉ: 19/12 Lê Đức Thọ, phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Phạm An. L., sinh năm: 1981; Địa chỉ: 22/257 Thống Nhất, phường An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Lê Thị Ng. L. và ông Phạm An. L. là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 quyển số 01/2006 ngày 25/05/2006 của Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 22/5/2026 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25/6/2026, bà Lê Thị Ng. L. và ông Phạm An. L. yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Bà Lê Thị Ng. L. trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông Phạm An. L. không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Lê Thị Ng. L. và ông Phạm An. L. thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không yêu

cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ng. L. và ông Phạm An. L. thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 54 quyển số 01/2006 ngày 25/05/2006 của Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông, Quận 12 (nay là phường An Phú Đông), Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 03 con chung là Phạm Anh Kha, sinh ngày 12/3/1999 (đã trưởng thành); Phạm Anh Khương, sinh ngày 15/11/2003 (đã trưởng thành) và Phạm Anh Khang, sinh ngày 05/9/2008. Bà Lê Thị Ng. L. trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Anh Khang. Ông Phạm An. L. không cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị Ng. L. và ông Phạm An. L. đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Ng. L. và ông Phạm An. L. phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Lê Thị Ng. L. và ông Phạm An. L. đã nộp theo biên lai thu số 0034337 ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Ng. L. và ông Phạm An. L. đã đóng đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV7-TPHCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Phòng THADS KV7-TPHCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thanh Bửu Tịnh